

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH


Ngày 13 tháng 05 năm 2026

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				13,271
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		30,000	565	16,950,000
	Dược chi trong ngày				16,963,271
	Đã chi trong ngày				16,954,750
	1. Dịch vụ				847,500
1	Điện bếp		1,500	565	847,500
	2. Kho				3,134,950
	Ăn chính				3,134,950
1	Bột mì	Kg	30,000	0,4	12,000
2	Dầu ăn Neptune 1L	Lít	80,000	1	80,000
3	Gạo Bắc Hương	Kg	25,000	39,1	977,500
4	Hạt Nêm Knorr Thịt thăn, Xương Ông và Tỳ	Kg	85,000	0,4	34,000
5	Nước mắm Nam Ngư	Lít	80,000	0,4	32,000
6	Bột canh i-ốt hải châu	Kg	36,000	1,2	43,200
7	Sữa bột Dielac Super Star	Kg	285,000	6,85	1,952,250
8	Muối iốt	Kg	10,000	0,4	4,000
	3. Đi chợ				12,972,300
	Ăn chính				12,972,300
1	Cà chua	Kg	38,000	6,7	254,600
2	Hành tây	Kg	24,000	1,8	43,200
3	Rau muống	Kg	28,000	14,5	406,000
4	Mực tươi	Kg	350,000	4,7	1,645,000
5	Mỡ lợn sống	Kg	90,000	0,6	54,000
6	Thịt lợn nạc thăn	Kg	189,000	2,4	453,600
7	Thịt nạc vai hữu cơ	Kg	189,000	17,5	3,307,500
8	Thì là	Kg	83,000	0,3	24,900
9	Bánh kem tươi	Kg	122,000	28,25	3,446,500
10	Thịt sấn vai bó bì	Kg	180,000	3,3	594,000
11	Sữa chua	Kg	120,000	22,6	2,712,000
12	Hành khô	Kg	90,000	0,2	18,000
13	Hành lá	Kg	65,000	0,2	13,000
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				28,301,450
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				100,379,850
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			4,515	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				135,450,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				135,453,800
	Chênh lệch cuối ngày				8,521,25

Kế toán


Đặng Thị Phương Anh




PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Diệp